

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2021

“V/v Tuyên bố không công nhận
là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Cao Danh Nhân

+ *Các Hội thẩm nhân dân* : Ông Phan Chấn Bính và bà Đào Thị Hà

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mua Thị M, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- *Bị đơn*: Anh Vàng Mí T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Mua Thị M trình bày: Tôi và anh Vàng Mí T tìm hiểu nhau và chung sống với nhau năm 2009 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống với nhau là tự nguyện, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì chồng tôi đi làm thuê được 06 tháng khi về nhà nghe mọi người xung quanh nói tôi có tình cảm với người khác và đánh tôi. Khoảng ngày mừng 02 tết năm 2020 tôi có đi chợ với người bạn thì bị chồng tôi bắt gặp và yêu cầu thôn giải quyết, chồng tôi yêu cầu tôi phải nộp cho chồng 3.800.000 đồng, người yêu hiện tại của tôi phải nộp 3.600.00 đồng nhưng chúng tôi không đồng ý, sau đó chúng tôi đến Ủy ban nhân dân xã L để giải quyết. Sau sự việc đó tôi cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, sau đó tôi về nhà ngoại

ở do sợ rằng nếu về nhà cùng anh T thì anh sẽ tiếp tục đánh tôi, tôi về nhà ngoại ở từ đó và 02 con anh T nuôi dưỡng, chúng tôi ly thân nhau từ đó đến nay. Nay tôi và anh T không thể chung sống với nhau được nữa, không còn tình cảm với nhau, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Vàng Mí T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Vàng Mí P1, sinh ngày 15/11/2012 và Vàng Thành P2, sinh ngày 09/5/2015. Khi chấm dứt quan hệ vợ chồng tôi nhất trí giao 02 con cho chồng nuôi dưỡng, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi có 01 ngôi nhà tôi để cho chồng và con ở tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án anh Vàng Mí T trình bày: Tôi và chị Mua Thị M tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng chúng tôi không đăng ký kết hôn, chúng tôi chung sống tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2009 đến năm 2019 thì tôi đi làm thuê đến tháng 11/2019 về vợ chồng vẫn ăn tết bình thường, đến tháng 6/2020 tôi phát hiện vợ tôi đi chợ và có tình cảm với người khác, tôi đề nghị thôn giải quyết nhưng không giải quyết được, sau đó lại đề nghị Ủy ban nhân dân xã giải quyết. Khi giải quyết ở xã xong thì vợ tôi bỏ về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tôi nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nữa, do vợ chồng không có kết hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật để chấm dứt quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Vàng Mí P1, sinh ngày 15/11/2012 và Vàng Thành P2, sinh ngày 09/5/2015. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con, không đề nghị chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án phải giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Mua Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Vàng Mí T nhất trí chấm dứt quan hệ vợ chồng đã được hơn 10 năm nay, về con chung và tài sản chung nhất trí như chị M đề nghị, yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều

83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mua Thị M và anh Vàng Mí T. Về con chung đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị M phải chịu 300.000,đ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Mua Thị Mỹ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vàng Mí T, là tranh chấp về hôn nhân và đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của chị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

[2] Chị Mua Thị M và anh Vàng Mí T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hòa thuận với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ nhau ngoại tình dẫn đến cãi nhau và đánh đập nhau. Đến tháng 6/2020 anh T phát hiện chị M đi với người khác và yêu cầu chính quyền thôn, xã giải quyết, từ đó chị Mỹ về nhà ngoại ở cho đến nay và hai người không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy chị Mua Thị M và anh Vàng Mí T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị M và anh T không chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn thì cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mua Thị M và anh Vàng Mí T.

[4] Về con chung: Chị Mua Thị M và anh Vàng Mí T xác nhận có 02 con chung tên là Vàng Mí P1, sinh ngày 15/11/2012 và Vàng Thành P2, sinh ngày 09/5/2015. Chị M và anh T tự thỏa thuận và thống nhất anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con, chị Mỹ không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy thỏa thuận của chị M và anh T là tự nguyện và không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội vì vậy cần ghi nhận.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị M và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Mua Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mua Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mua Thị M và anh Vàng Mí T.

- Về người nuôi con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Mua Thị M và anh Vàng Mí T: Anh Vàng Mí T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Vàng Mí P1, giới tính: Nam, sinh ngày 15/11/2012 và Vàng Thành P2, giới tính: Nam, sinh ngày 09/5/2015 cho tới khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

-Về án phí: Chị Mua Thị M phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q ngày 04/3/2021 theo BL số: BB/2013/05209.

- Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân